

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2022/HSST
Ngày 31 -5-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Tuấn

2. Ông Nguyễn Văn Tuyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thị Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại: Trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 56/2022/TLST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2022/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **TRẦN VĂN C**, Sinh năm 1998, tại Gia Lai. Giới tính: Nam. Nơi ĐKNKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: Thôn 02, xã Nghĩa H, huyện Chư P, tỉnh G. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Làm nông. Cha: Trần Văn D - sinh năm 1971. Mẹ: Phan Thị Lệ T - sinh năm 1973.

Cha, mẹ của bị cáo hiện trú tại: Thôn 02, xã Nghĩa H, huyện Chư P, tỉnh G.

Bị cáo có 04 anh, chị, em ruột (lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2000). Bị cáo là con thứ 3 trong gia đình.

Vợ: Y T - sinh năm 1994.

Bị cáo có 01 người con, sinh năm 2017. Hiện vợ và con của bị cáo trú tại: Thôn 04, xã Đăk V, huyện Đăk H, tỉnh K.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Trần Văn C bị tạm giữ từ ngày 18/12/2021, sau đó bị tạm giam cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Anh Hồ Hiếu N, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đ. Vắng mặt.

Anh Phạm Thành Đ, sinh năm 1982; địa chỉ: 72 H, Tổ 4, phường T, Quận T, Thành phố N. Vắng mặt.

Anh Nguyễn Đô Â, sinh năm 1982; địa chỉ: 226 Đ, phường T, Quận H, Thành phố N. Vắng mặt.

Anh Bùi Hoàng T, sinh năm 1994; địa chỉ: 16 Đ, Tổ 3, phường I, thành phố P, tỉnh G. Vắng mặt.

Chị Trần Đỗ Thảo N, sinh năm 1994; địa chỉ: 35/25 N, Tổ 3, phường T, thành phố P, tỉnh G. Vắng mặt.

- *Người chứng kiến:*

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960; địa chỉ: Tổ 10, phường I, thành phố P, tỉnh G. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn C là người sử dụng ma túy loại MDMA và Ketamine. Thông qua mối quan hệ ngoài xã hội, C có được số điện thoại của đối tượng tên Ti (không rõ nhân thân, lai lịch) là người bán ma túy. Vào khoảng 17 giờ 40 phút ngày 17/12/2021, sau khi nhậu cùng với Hồ Hiếu N (sinh năm 1992, trú tại: Ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đ), Nguyễn Đô Â (sinh năm 1982, trú tại: 226 Đ, phường T, Quận H, Thành phố N) và Phạm Thành Đ (sinh năm 1982, trú tại: 72 H, Tổ 4, phường T, Quận T, Thành phố N) tại nhà hàng T, phường H, thành phố P, thì N rủ mọi người về Alva Villa nhà nghỉ do Nghĩa đã thuê của chị Trần Đỗ Thảo N (sinh năm 1994) tại 35/25 N, Tổ 3, phường T, thành phố P, tỉnh G, để nhậu tiếp; cả nhóm đồng ý. Lúc này, N, Â và Đ đi xe taxi (không rõ hãng và người điều khiển xe) về trước; còn C điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) mượn của người bạn tên T1 (không rõ nhân thân, lai lịch) đi sau. Khoảng 18 giờ cùng ngày, khi trên đường đi về nhà nghỉ của N thì C nảy sinh việc mua ma túy để sử dụng, nên C gọi điện thoại cho Ti hỏi mua ma túy. Ti đồng ý và hẹn gặp nhau ở khu vực gần chùa Minh Thành, đường V, phường H, thành phố P. Sau đó, C đi xe mô tô đến điểm hẹn gặp Ti. Tại đây, C đã mua của Ti 02 viên ma túy (loại MDMA) và 01 gói nilon chứa ma túy (loại Ketamine) với giá 1.000.000 đồng, mục đích để bản thân sử dụng dần. Sau khi mua được ma túy, C cất giấu vào túi quần, rồi đi đến nhà nghỉ do N thuê, tiếp

tục nhậu cùng N, Â và Đ. Sau khi nhậu xong thì N, Â, Đ lên phòng trên tầng 2 ngủ; còn C vào phòng số 02, tầng trệt. Khi vào phòng, C lấy 01 ít ma túy dạng Khay ra sử dụng; số ma túy còn lại, C cất giấu vào túi quần sau bên phải, rồi ngủ tại phòng này. Đến 23 giờ cùng ngày, khi lực lượng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P phối hợp cùng Công an phường I đến kiểm tra thì C đã lấy 01 gói ma túy chứa 02 viên nén màu xanh từ trong túi quần vớt xuống nền nhà tại vị trí của C đứng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm quả tang đối với Trần Văn C và thu giữ vật chứng, gồm: 01 gói nilon chứa 02 viên nén màu xanh (được niêm phong, đánh số I), thu giữ trong túi quần sau bên phải của C 01 gói nilon chứa chất màu xám dạng bột (được niêm phong, đánh số II); 01 điện thoại di động hiệu Samsung Note 10 Line màu đen kèm sim số cùng 200.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Bị cáo Trần Văn C đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

2. Các vấn đề khác:

Qua trung cầu, tại bản Kết luận giám định số 840/KLGD ngày 27 tháng 12 năm 2021 của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Gia Lai, kết luận: 02 (hai) viên nén màu xanh trong 01(một) túi nilon trong bì công văn ghi số “I” niêm phong gửi giám định là **ma túy**, loại **MDMA**, khối lượng **0,8008 gam**. Chất màu xám, dạng bột trong 01(một) túi nilon trong bì công văn ghi số “II” niêm phong gửi giám định là **ma túy**, loại **Ketamine**, khối lượng **0,0632 gam**.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận nêu trên.

3. Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản cáo trạng số:70/CT-VKS ngày 13-4-2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Trần Văn C về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Trần Văn C và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình sự:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn C phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Đề nghị áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Văn C với mức án tù từ 01 (một) năm tù đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/12/2021 .

Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Trả lại cho bị cáo Trần Văn C 200.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Tịch thu sung Ngân quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động hiệu Sam Sung Note 10 line màu đen kèm sim số (điện thoại cũ, đã qua sử dụng, Chi cục THADS không kiểm tra tình trạng bên trong).

Tịch thu tiêu hủy 02 bì công văn ghi số 840/PC09 ngày 27/12/2021, được đánh số “I” và số “II” , có dấu niêm phong của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Gia Lai (có các chữ ký của Phạm Thế Dũng, Nguyễn Đức Trọng, Nguyễn Minh Tâm).

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án:

Bị cáo thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo rất hối hận vì việc làm của mình, kính mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc có khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Xét thấy lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Trần Văn C phạm tội như sau:

Trần Văn C là người sử dụng ma túy loại Ketamine và MDMA. Vào khoảng 18 giờ, ngày 17/12/2021, tại khu vực gần chùa Minh Thành, đường Nguyễn Viết Xuân, phường Hội Phú, thành phố Pleiku, Trần Văn C đã mua của đối tượng tên Tiến (không rõ nhân thân, lai lịch) 01 gói ma túy loại Ketamine và 02 viên ma túy loại MDMA với giá 1.000.000 đồng. Sau đó, C đã sử dụng một phần trong gói Ketamine; số còn lại, C cất giấu trong người với mục đích để sử dụng dần. Vào lúc

23 giờ cùng ngày, khi C đang cất giấu gói ma túy loại Ketamine và 02 viên ma túy loại MDMA trong người và ở tại phòng số 02 nhà nghỉ Alva Villa, hẻm 206 đường Lê Thánh Tôn, Tổ 10, phường IaKring, thành phố Pleiku, thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy - Công an thành phố Pleiku phối hợp với Công an phường Ia Kring, bắt quả tang cùng toàn bộ toàn bộ vật chứng, gồm: 01 gói nilon chứa chất màu xám dạng bột, 01 gói nilon bên trong có 02 viên nén màu xanh cùng 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen, kèm sim số và 200.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Qua giám định, xác định: 02 viên nén màu xanh là ma túy, loại MDMA, khối lượng 0,8008 gam, 01 gói nilon bên trong có chất màu xám dạng bột là ma túy, loại Ketamine, khối lượng 0,0632 gam.

Tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc một trong các tội quy định tại các điều 248, 250, 251 và 252 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

...

h) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 10 mililit đến dưới 100 mililit;

i) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản này”.

Ma túy là chất độc, có nguồn gốc tự nhiên hoặc tổng hợp, khi vào cơ thể con người có tác dụng làm thay đổi trạng thái ý thức và tâm sinh lý của con người, làm hạn chế hoạt động của não bộ và gây ức chế hệ thần kinh. Sự nghiện ngập là biểu hiện của trạng thái ngộ độc mãn tính do chất ma túy gây ra, làm tổn thương cho bản thân. Ma túy gây tác hại về nhiều mặt trong đời sống, xã hội. Sử dụng ma túy làm suy thoái nhân cách, phẩm giá con người, gây xói mòn đạo lý, kinh tế, xã hội. Hành vi phạm tội của bị cáo làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh trật tự tại địa phương.

Bị cáo Trần Văn C là người đã trưởng thành, có trình độ học vấn nhất định, lẽ ra bị cáo phải nhận thức được tác hại và hậu quả của việc sử dụng ma túy.

Nhưng vì muốn thỏa mãn nhu cầu của bản thân bị cáo đã tàng trữ 02 viên ma túy, loại MDMA, khối lượng 0,8008 gam và 01 gói ma túy, loại Ketamine, khối lượng 0,0632 gam với mục đích để sử dụng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của nhà nước, góp phần tiếp tay cho những tệ nạn xã hội khác. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã truy tố là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo một mức án tù có thời hạn tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nhằm giáo dục bị cáo cải tạo bản thân tiến bộ là cần thiết.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Vì vậy, Hội đồng xét xử xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 khi quyết định hình phạt.

[4] Về vật chứng vụ án:

Đối với 200.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Xét đây là tài sản của bị cáo C không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động hiệu Sam Sung Note 10 line màu đen kèm sim số (điện thoại cũ, đã qua sử dụng, Chi cục THADS không kiểm tra tình trạng bên trong). Xét đây là công cụ bị cáo dùng để liên lạc mua ma túy nên cần tịch thu sung Ngân quỹ Nhà nước.

Đối với 02 bì công văn ghi số 840/PC09 ngày 27/12/2021, được đánh số “I” và số “II” , có dấu niêm phong của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Gia Lai (có các chữ ký của Phạm Thế Dũng, Nguyễn Đức Trọng, Nguyễn Minh Tâm). Xét đây là tang vật của vụ án không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với chiếc xe mô tô mà C điều khiển đi mua ma túy, C khai là mượn của người bạn tên Tuấn. Khi đi về đến nhà nghỉ Alva Villa do Nghĩa thuê, thì Tuấn đã đến lấy xe. Do C không nhớ biển số xe, không biết nhân thân, lai lịch của Tuấn nên không thu giữ được chiếc xe này và cũng chưa có căn cứ để điều tra, xử lý đối với đối tượng Tuấn. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh và xử lý sau.

[5] Về hình phạt bổ sung: Mục đích của bị cáo C mua ma túy về để sử dụng, bị cáo không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về các vấn đề khác:

Đối với đối tượng Tiến mà bị cáo C khai đã bán ma túy cho C, do C không biết được nhân thân, lai lịch; Cơ quan điều tra đã tiến hành mở danh bạ, nhật ký cuộc gọi, tin nhắn trong chiếc điện thoại đã thu giữ của C nhưng không xác định được số điện thoại của Tiến và nội dung liên quan đến việc mua bán chất ma túy và đã tiến hành xác minh tại khu vực C khai mua ma túy, nhưng không xác định được đối tượng Tiến bán ma túy. Do đó, chưa có căn cứ để điều tra xử lý. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào xác định được sẽ xử lý sau.

Đối với Phạm Thành Đ, Nguyễn Đô Â và Hồ Hiếu N: Quá trình điều tra xác định: Việc C mang theo ma túy trong người đến phòng trọ của Nghĩa, sau đó vào phòng số 02 sử dụng ma túy thì Nghĩa, Đô, Ân không biết và cả ba đều không sử dụng ma túy nên không có căn cứ để xử lý về hành vi không tố giác tội phạm hoặc chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với Trần Đỗ Thảo N là chủ Cơ sở kinh doanh nhà nghỉ Alva Villa: Việc bị cáo C tàng trữ trái phép chất ma túy và sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà nghỉ thì Ngân hoàn toàn không biết, nên không có căn cứ để xử lý về hành vi chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy. Tuy nhiên, để xảy ra việc Trần Văn C sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà nghỉ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku đã áp dụng điểm a khoản 4 Điều 21 Nghị định số 167 ngày 12/11/2013 của Chính phủ ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính Trần Đỗ Thảo N với số tiền 7.500.000 đồng là có căn cứ.

[7] Về án phí: Bị cáo Trần Văn C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ vào điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trần Văn C.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn C phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo: Trần Văn C 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 18-12-2021 .

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử:

Trả lại cho bị cáo Trần Văn C 200.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Tịch thu sung Ngân quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động hiệu Sam Sung Note 10 line màu đen kèm sim số (điện thoại cũ, đã qua sử dụng, Chi cục THADS không kiểm tra tình trạng bên trong).

Tịch thu tiêu hủy 02 bì công văn ghi số 840/PC09 ngày 27/12/2021, được đánh số “I” và số “II” , có dấu niêm phong của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Gia Lai (có các chữ ký của Phạm Thế Dũng, Nguyễn Đức Trọng, Nguyễn Minh Tâm).

(Tất cả theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 20-4-2022 giữa Công an thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai).

4. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Trần Văn C phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào các Điều 331 và 333 của Bộ luật tố Tụng hình sự năm 2015;

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp. Pleiku;
- Công an Tp. Pleiku;
- Chi cục THADS Tp. Pleiku;
- Bị cáo, Người bào chữa (nếu có);
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Nhàn

